

# CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NHÌN TỪ QUÁ TRÌNH TẠO THỂ, TẠO LỰC VÀ NĂM BẮT THỜI CƠ

TRẦN NGỌC LONG\*

Tháng 2 năm 1942, trong tập *Lịch sử nước ta*, ở mục "*Những năm quan trọng*", lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có viết: *Năm 1945, Việt Nam độc lập*. Lúc bấy giờ nhiều người không tin, thậm chí có người còn hoài nghi lời tiên đoán đó của Người, nhưng hơn 3 năm sau, lịch sử đã diễn ra đúng như vậy: Mùa Thu 1945, bằng cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại, nhân dân Việt Nam giành được độc lập. Sở dĩ lời tiên đoán đó của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở thành hiện thực là bởi nó dựa trên cơ sở phân tích một cách khách quan, khoa học và khả năng phát triển biện chứng của các sự kiện trong nước và thế giới giai đoạn 1941-1945. Ở trong nước, đó là sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh; là sự cụ thể hóa chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng. Sự chuyển hướng này được định hình từ các Hội nghị Trung ương 6 (11-1939) và Hội nghị Trung ương 7 (11-1940); đặc biệt là được hoàn thiện tại Hội nghị Trung ương 8 (5-1941). Trên trường quốc tế, đó là sự chuyển hóa thế và lực giữa phe Đồng minh và trục phát-xít trong Chiến tranh thế giới thứ Hai, đưa đến một khả năng thực tế là quân đội Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật Bản.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả tất yếu của một quá trình chuẩn bị kéo dài 15 năm với 3 cuộc vận động cách mạng lớn (1930-1931; 1936-1939 và 1941-8/1945) để khi thời cơ lớn xuất hiện, chỉ trong vòng 2 tuần lễ dưới sự lãnh đạo sáng suốt và chớp thời cơ kịp thời của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh, toàn thể nhân dân Việt Nam đã đoàn kết, nhất tề đứng lên làm cuộc cách mạng giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và lật đổ bộ máy chính quyền tay sai. Có thể nói, "*mau lẹ, kịp thời, nổ ra đúng lúc phải nổ*". Đó là đặc điểm nổi bật của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945" (1).

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sản phẩm độc đáo của nhân dân Việt Nam, là sự kết tinh tinh thần dân tộc hội tụ và sự phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Bằng cuộc cách mạng này, nhân dân Việt Nam đã phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, đế quốc; lật nhào chế độ quân chủ tồn tại hàng chục thế kỷ, lập nên một nước cộng hòa dân chủ, đưa dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới. Đúng như lời nhận xét của Stein Tonnesson: "Trong lịch sử Việt Nam hiện đại, những thời điểm 1945 và 1975 nổi lên như là những bước ngoặt lớn, đánh dấu sự khởi đầu và kết thúc của một quá trình dài

---

\*PGS.TS. Viện Chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam

chiến tranh và biến đổi xã hội. Cách mạng Việt Nam quan trọng không phải chỉ thuần túy của bối cảnh của Việt Nam. Trong các cuộc cách mạng cộng sản, cách mạng của những người Việt Nam nổi lên như là một trong những cuộc cách mạng có sức sống và làm đảo lộn nhiều nhất" (2).

Sự thật lịch sử là như vậy, đáng tiếc là 80 năm đã trôi qua vẫn còn đó một số học giả nước ngoài còn nhận thức sai lệch về cuộc cách mạng này. Có học giả nước ngoài cho rằng thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là nhờ vào cái mà họ gọi là "khoảng trống quyền lực", là nhờ "Quân đội Nhật Bản ở Đông Dương đã đầu hàng quân Đồng minh" (3). Bên cạnh đó, một số học giả khi nghiên cứu về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 của nhân dân Việt Nam lại đánh giá quá cao vai trò của nhân tố khách quan như các sự kiện: "Hoa quân nhập Việt", Nhật đảo chính Pháp 9-3, sự có mặt của *Đội con nai* và viện trợ vũ khí, khí tài của quân Đồng minh; việc Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, Tuyên bố đầu hàng của Nhật hoàng... Trong khi họ lại chưa đánh giá đúng nhân tố chủ quan, yếu tố nội lực mang tính quyết định của nhân dân Việt Nam trong cuộc cách mạng vĩ đại này...

Khách quan mà xem xét, có thể thấy, trong quá trình chuẩn bị lực lượng và tạo thế để khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn coi trọng cả hai yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó đặc biệt nhấn mạnh yếu tố chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất. Ngay từ khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, xuất hiện khả năng quân Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương để đánh quân Nhật, Đảng đã xác định rõ: "Đừng có ảo tưởng rằng, quân Tàu và quân Anh và Mỹ sẽ mang lại tự do cho ta; cố nhiên là

phải kiếm bạn đồng minh, dẫu rằng tạm thời, bấp bênh, có điều kiện, nhưng công việc của ta, trước hết ta phải làm lấy" (4). Gần 5 năm sau đó, ngay sau sự kiện "Nhật đảo chính Pháp" (9-3-1945), trong bản Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng một lần nữa tái khẳng định: "Dù sao ta không thể đem việc quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương làm điều kiện tất yếu cho cuộc Tổng khởi nghĩa" và dự kiến "nếu tình thế chuyển biến thuận lợi thì dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi" (5).

Có thể thấy, quá trình chuẩn bị, tạo thế, tạo lực cho cách mạng để đón thời cơ chiến lược được Đảng chỉ đạo tiến hành một cách cụ thể và tỉ mỉ từ rất sớm. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ, Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 (11-1939), Trung ương 7 (11-1940), đặc biệt là Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), Trung ương Đảng đã quyết định chuyển hướng chiến lược, trong đó xác định rõ: *Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu*. Để làm được điều đó cần phải tăng cường xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ; mở rộng và củng cố Mặt trận Việt Minh; tổ chức lực lượng vũ trang, bao gồm các các đội tự vệ, các tiểu tổ du kích và đội du kích chính thức. Với lực lượng chính trị và vũ trang đã được xây dựng, khi có thời cơ thuận lợi sẽ đi từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền trong từng địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước.

Kể từ sau Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang trở thành nhiệm vụ trung tâm hàng đầu. Mặt trận Việt Minh - ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng ra đời. Việc xây dựng lực lượng vũ trang kiểu mới từ đây được định hình một cách cụ thể và xúc tiến rất mạnh

mẽ. Cùng với đó là tích cực củng cố và mở rộng căn cứ địa làm chỗ đứng chân cho các lực lượng cách mạng... Tất cả đều nhằm sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của tình thế cách mạng để khi thời cơ đến không bị động.

Hiện thực hóa chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng, tại vùng rừng núi Việt Bắc, hai khu căn cứ địa cách mạng quan trọng là Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai đã sớm được hình thành. Tại đây, các đội vũ trang Cao Bằng, Du kích Bắc Sơn rồi Cứu quốc quân 1, Cứu quốc quân 2 lần lượt ra đời. Tại các địa phương trong cả nước, các tổ chức cứu quốc, các cơ sở chính trị, các đội du kích cũng đã được các tổ chức cơ sở Đảng và Mặt trận Việt Minh xây dựng. Hoạt động và tầm ảnh hưởng rộng lớn của các cơ sở chính trị quần chúng, các đội du kích thời kỳ này là cơ sở để Trung ương Đảng đúc kết thành các phương châm "*Khơi thêm nước cho cá vẫy vùng*", "*Người trước - súng sau*". Từ các căn cứ địa Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai, các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh lan tỏa và phát triển nhanh chóng xuống vùng trung du và đồng bằng. Thực tế này đặt ra yêu cầu phải nhanh chóng mở rộng căn cứ địa, nhất là cần phải nối thông đường dây liên lạc giữa bộ phận lãnh đạo của Trung ương ở căn cứ địa Cao Bằng với Ban Thường vụ Trung ương ở dưới xuôi. Giữa năm 1942, chấp hành chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, hai khu căn cứ địa Cao Bằng và căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai đã được nối thông. Tiếp theo đó, các tuyến hành lang chính trị "*Nam tiến*" từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Chợ Chu, Đại Từ (Thái Nguyên); "*Bắc tiến*" từ Bắc Sơn-Võ Nhai lên Cao Bằng; "*Đông tiến*" từ Cao Bằng qua Lạng Sơn; "*Tây tiến*" từ Cao Bằng sang Tuyên Quang... lần lượt ra đời tạo nên một hành lang chính trị vững chắc nối căn cứ địa Việt Bắc với các căn cứ ở miền xuôi. Trên các tuyến hành

lang chính trị này, các Tổ xung phong công tác, các đội vũ trang tuyên truyền tích cực hoạt động đem "ánh sáng Việt Minh" đến với đồng bào các dân tộc tại khắp các thôn, bản. Cũng chính theo tuyến hành lang chính trị này, gần 2 năm sau đó giữa những ngày sục sôi của thời kỳ "tiên khởi nghĩa", tháng 5-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh cùng các cộng sự cốt cán của cách mạng đã từ Pác Bó về Tân Trào cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa.

Không chỉ tại căn cứ địa Việt Bắc, mà kể từ sau Hội nghị Trung ương 8, tại nhiều địa phương trong cả nước, các phong trào tự vệ, du kích, các căn cứ địa, an toàn khu đã lần lượt ra đời. Trong số đó có thể kể đến như ở Nam Bộ có *Quân du kích Nam Kỳ* và căn cứ địa U Minh (11-1940); ở Trung Bộ có *Du kích Ngọc Trạo* với Chiến khu Ngọc Trạo (7-1941); Việt Bắc có *Đội vũ trang Cao Bằng* (10-1941) và căn cứ địa Cao Bằng, *Du kích Bắc Sơn* (10-1940), *Cứu quốc quân 1*, *Cứu quốc quân 2* với căn cứ Bắc Sơn-Võ Nhai... Một số tỉnh có phong trào tự vệ phát triển cũng thành lập các căn cứ như: Phú Thọ có căn cứ Văn-Hiến Lương, Kiến An có căn cứ Kim Sơn, Ninh Bình có căn cứ Quỳnh Lưu, Hải Dương có chiến khu Đông Triều... Căn cứ địa không chỉ được mở rộng và phát triển ở vùng rừng núi, nông thôn, ở trung du và đồng bằng, mà còn được mở rộng, củng cố ngay ở vùng ven các đô thị và ở cả ngoại thành Hà Nội.

Cuối năm 1942, đầu năm 1943, khi mà trên mặt trận chống phát-xít, hồng quân Liên Xô vừa giành được thắng lợi mang tính bước ngoặt ở Xtalingrat thì ở Đông Dương, cách mạng Việt Nam cũng có bước phát triển mới. Kiểm điểm, đánh giá về quá trình chuẩn bị lực lượng và xây dựng, củng cố căn cứ địa, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (2-1943) chỉ rõ: "Toàn bộ công tác của Đảng lúc này phải nhằm vào chỗ

chuẩn bị khởi nghĩa để một khi cơ hội đến, kịp thời đưa quần chúng nhân dân ra chiến đấu" (6). Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương, công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa được đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Công cuộc chuẩn bị đó không chỉ dừng lại ở việc phát triển các tổ chức vũ trang và mở rộng căn cứ địa, mà chú trọng đến cả việc chuẩn bị về điều kiện trang bị vật chất, nhất là bảo đảm về vũ khí cho các đội quân giải phóng. Trong bản *Chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa* của Tổng bộ Việt Minh (5-1944) chỉ rõ 5 vấn đề mang tính thời sự cấp bách lúc bấy giờ và yêu cầu các cấp bộ Hội cứu quốc cần phải giải thích rõ cho quần chúng nhân dân bằng những ngôn từ dễ hiểu, thiết thực: Ai xông ra đánh quân thù? Lấy gì mà đánh? Đánh bằng cách nào? Đánh vào lúc nào sẽ thắng? Làm thế nào để đẩy phong trào tiến tới Tổng khởi nghĩa? Có thể thấy việc tích lũy và phát triển lực lượng (cả về vật chất lẫn tinh thần) và mở rộng căn cứ địa trở nên cấp bách hơn bao giờ hết khi mà thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đang đến gần. Đúng như Tổng bí thư Trường Chinh lúc đó đã chỉ rõ: "Phải sửa soạn điều kiện vật chất cho cuộc khởi nghĩa. Điều kiện vật chất ấy là gì? Là đội quân cách mạng cơ bản và vũ khí" (7).

Mùa Hè năm 1944, tình hình cách mạng Việt Nam đặt ra yêu cầu cần phải gấp rút xây dựng và phát triển các đội du kích, tự vệ, vũ trang với hình thức tổ chức thích hợp. Đặc biệt phải xây dựng cho được một đội quân vũ trang tập trung để làm nòng cốt cho toàn dân khởi nghĩa. Chính vì vậy, tháng 12-1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ thị và giao cho Võ Nguyên Giáp thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (VNTTGPQ). Đây là một trong những tổ chức tiên thân của Quân đội nhân dân

dân Việt Nam và là đội quân chủ lực đầu tiên của cách mạng Việt Nam.

Đầu năm 1945, vấn đề phát triển lực lượng và tạo thế cho cách mạng được các tổ chức Đảng và Mặt trận Việt Minh tiếp tục đẩy mạnh. Cùng với việc phát triển các tổ chức vũ trang như *Cứu quốc quân*, VNTTGPQ ở các chiến khu Cao - Bắc - Lạng, Thái - Tuyên - Hà, Quân du kích ở Nam Kỳ, đội du kích Ba Tơ ở Quảng Ngãi, Trung đội Giải phóng quân ở chiến khu Quang Trung, đội "Du kích cách mạng quân" ở chiến khu Đông Triều, đội Du kích Ngọc Trạo ở Thanh Hóa... thì hàng loạt các đội du kích, tự vệ chiến đấu với hình thức tổ chức biên chế, quy mô và trang bị khác nhau cũng đã lần lượt ra đời tại các chiến khu, căn cứ cách mạng trong cả nước.

Ngay sau cuộc "đảo chính Nhật - Pháp", Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", trong đó chỉ rõ rằng không thể đem việc quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương làm điều kiện tất yếu cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình và kết quả của quá trình tạo thế, tạo lực trong giai đoạn 1941 - nửa đầu năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng dự kiến "Nếu tình thế chuyển biến thuận lợi thì dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc Tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và giành thắng lợi" (8). Một cao trào kháng Nhật, cứu nước với các hình thức phong phú, lực lượng tham gia đông đảo và cường độ mạnh mẽ đã bùng nổ rộng khắp trong cả nước. Hình thái du kích chiến tranh phát triển khắp nơi. Các tổ chức vũ trang xuất hiện nhiều và rộng khắp, đủ sức hỗ trợ và làm chỗ dựa cho quần chúng xuống đường đấu tranh. Tại các địa phương, nhiều cuộc khởi nghĩa từng phần đã liên tiếp nổ ra, đưa đến sự mở rộng đáng kể các căn cứ

địa, chiến khu cách mạng, hình thành nên các "Châu, xã hoàn toàn"...

Ngày 15-5-1945, chấp hành Nghị quyết Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (15-20/4), VNTTGPQ, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng trong cả nước thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân (VNGPQ). Tình thế cách mạng lúc này đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên hết, đó là "tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị Tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ" (9).

Tháng 6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc (bao gồm 6 tỉnh và một số vùng phụ cận) ra đời. Trong hai ngày 14 và 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Ủy ban khởi nghĩa được thành lập. Lãnh tụ Hồ Chí Minh mặc dù lúc này đang ốm nặng vẫn cố gượng dậy căn dặn Võ Nguyên Giáp: *Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập.* Trong các ngày 16-17/8/1945, Quốc dân Đại hội đã họp thông qua quyết định Tổng khởi nghĩa; đồng thời thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh và quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 19-8-1945, Tổng khởi nghĩa nổ ra và thành công ở Hà Nội. Như một phản ứng dây chuyền, chỉ trong vòng hai tuần lễ, Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Ngày 2-9-1945, khi mà trên chiến hạm Mít-xu-ri đang neo trong vịnh Tô-ky-ô (Nhật Bản), Nhật hoàng chính thức ký các văn kiện chấp nhận đầu hàng Đồng minh, thì tại vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, lãnh tụ Hồ Chí Minh long trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Có thể khẳng định, những kết quả đạt được trong quá trình vận động, chuẩn bị lực lượng và củng cố, mở rộng căn cứ địa đã góp phần tạo ra thời cơ cách mạng và tình thế cách mạng trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa thành công chứ tuyệt nhiên không phải chủ yếu nhờ vào yếu tố khách quan, nhờ cái gọi là "khoảng trống quyền lực", "sự bạc nhược của chính quyền Trần Trọng Kim" hay "sự bất lực, thiếu hành động kiên quyết của Đồng minh", sự có mặt của bộ đội Việt-Mỹ... như nhận thức của một số học giả nước ngoài về sự kiện này.

Trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam đã giành được chính quyền từ tay phát xít Nhật. Cuộc cách mạng này nổ ra và thành công trong bối cảnh đạo quân Nhật Bản ở Đông Dương tuy có chút hoang mang và sa sút tinh thần nhưng vẫn chưa chịu đầu hàng cho dù trước đó (12 giờ trưa ngày 15-8-1945) Nhật hoàng đã tuyên bố "Chấp nhận bản Tuyên bố Potsdam để tránh đổ máu kéo dài". Và lại, bản Tuyên bố này cũng chưa được truyền đạt tới cho Tập đoàn quân 38 của Nhật ở Đông Dương. Trong cuộc điện đàm trao đổi với Thiếu tá Pat-ti, chính Trung tướng Tsuchihashi - Tư lệnh Tập đoàn quân 38 vẫn "ngơ ngác không biết tin gì về việc đầu hàng". Trong các ngày 17 và 18-8-1945 quân Nhật tại Hà Nội vẫn tỏ ra hung hăng, quấy phá gây tình hình căng thẳng. Phải đến ngày 21-8-1945 thì Tư lệnh Tập đoàn quân 38 của Nhật ở Việt Nam mới chính thức nhận được lệnh "đình chỉ chiến tranh". Lệnh đó cũng chưa được phổ biến ngay xuống các đơn vị. Sáng ngày 22-8-1945, khi chiếc máy bay chở Thiếu tá Pat-ti - chỉ huy đội tiền trạm của quân Đồng minh vừa định đáp xuống Hà Nội còn bị quân Nhật từ mặt đất nã đạn buộc phải bay trở lại Côn Minh.

Về cái gọi là "khoảng trống quyền lực" mà một số học giả nước ngoài cho rằng

chính là nguyên nhân chủ yếu đưa đến thành công cho cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Có thể khẳng định, trong cuộc cách mạng này ở Việt Nam không hề tồn tại "khoảng trống quyền lực". Chính phủ tay sai do Nhật dựng lên ngày 7-4-1945 tuy không nắm thực quyền nhưng bộ máy vẫn vận hành với đầy đủ các ban, bộ. Chính phủ này vào ngày 14-8-1945 ra Tuyên bố "Nhất quyết không chịu lùi một bước trước bất cứ khó khăn nào để làm tròn sứ mệnh..." và họ còn cam đoan "vấn hợp tác chặt chẽ với nhà đương cục Nhật" (10). Ngày 17-8-1945 chính phủ này vẫn còn cử người liên lạc, mặc cả với Việt Minh đòi chia sẻ quyền lực... Thậm chí ngay trong ngày 19-8-1945 ngày diễn ra Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội vẫn còn diễn ra cuộc đàm xếp thỏa hiệp giữa Tư lệnh Tập đoàn quân 38 của Nhật với đặc phái viên của chính phủ Trần Trọng Kim...

Về vai trò của bộ đội Việt - Mỹ trong cuộc cách mạng này mang tính "biểu tượng" của tinh thần hợp tác quốc tế cùng nhau chống phát-xít là chủ yếu, chứ không phải là một trong những nhân tố quyết định thành công của Cách mạng tháng Tám. Như nhiều người đã biết, bộ đội Việt - Mỹ ra đời là kết quả của sự thỏa thuận giữa Hồ Chí Minh với tướng Sê-nôn (Chennault) - Tư lệnh lực lượng Không quân Mỹ tại Côn Minh về sự hợp tác giữa Việt Minh với Đồng minh cùng nhau chống phát-xít. Theo thỏa thuận đó, Việt Minh sẽ cung cấp các thông tin và cứu giúp các phi công Đồng minh bị quân Nhật bắn rơi ở Việt Nam, phía Đồng minh sẽ giúp Việt Minh một số máy móc thông tin và cử người sang huấn luyện giúp Việt Minh. Ngày 16-7-1945, một nhóm sĩ quan tình báo của Đồng minh mang mật danh nhóm *Con Nai* thuộc lực lượng SOS (Cơ quan tình báo Mỹ) do Thiếu tá Tho-mát (Thomas)

nhảy dù xuống căn cứ địa Việt Bắc. Sau thành công của nhóm *Con Nai*, một số khác tiếp tục được đưa sang Việt Bắc. Với quan điểm coi cách mạng Đông Dương là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, chủ trương giúp đỡ và cùng Đồng minh chống phát xít, lãnh tụ Hồ Chí Minh lúc bấy giờ đã chỉ thị cho Võ Nguyên Giáp chọn một số cán bộ ưu tú trong các chi đội Giải phóng quân cùng với số sĩ quan của Đồng minh vừa được đưa sang Việt Nam thành lập một đơn vị mang tên *Bộ đội Việt - Mỹ*. Với quân số lúc đầu gần 200 người mang phiên hiệu Đại đội Việt-Mỹ. Đại đội này do ông Đàm Quang Trung làm Chỉ huy trưởng và Thiếu tá Tho-mát được xem như là "Tham mưu trưởng". Không lâu sau đó, với quân số tăng lên gần 400 người, Đại đội Việt-Mỹ được "nâng cấp" và đổi tên thành Chi đội 4.

Ngày 16-8-1945, Chi đội 4 Việt - Mỹ được lệnh cùng một số chi đội VNGPQ tiến về Thái Nguyên đánh quân Nhật. Trận đánh diễn ra hết sức cam go, ác liệt và kéo dài. Sau khi Tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, Chi đội 4 được lệnh đưa một trung đội trở lại Tân Trào đón lãnh tụ Hồ Chí Minh về Hà Nội; phần lớn lực lượng còn lại hành quân cấp tốc về Hà Nội. Tuy nhiên, những người Mỹ trong toán *Con Nai* không về cùng mà vẫn ở lại tiếp tục đánh các đồn binh còn lại của quân Nhật ở Thái Nguyên. Ngày 16-9-1945, bộ đội Việt-Mỹ chính thức giải thể với việc Thiếu tá Tho-mát cùng các thành viên trong toán *Con Nai* rời Việt Nam.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 nổ ra và thành công vào thời điểm khi mà ở trong nước cao trào kháng Nhật cứu nước đã lên đến đỉnh cao, quân đội Nhật ở Đông Dương tuy lực lượng còn đông và trang bị vũ khí còn nhiều nhưng có giảm sút nhuệ khí; chính quyền tay sai vẫn tồn tại

nhưng tinh thần hoang mang, dao động; quân Đồng minh lại chưa kịp kéo vào... Đây chính là "thời cơ vàng" mà Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh đã kịp thời chớp lấy, lãnh đạo toàn dân dốc toàn lực tung ra đòn quyết định giành chính quyền trong cả nước. Với chính quyền mới giành được, nhân dân Việt Nam có đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý, với tư thế ngẩng cao đầu tiếp quân đội các nước vào giải giáp quân Nhật theo sự phân công của Đồng minh chống phát-xít.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra và kết thúc nhanh gọn trên phạm vi cả nước chỉ trong vòng 2 tuần lễ. Có được điều kỳ diệu đó "căn bản là do lực lượng chính trị của nhân dân đã kịp thời nắm lấy cơ hội thuận tiện nhất, khởi nghĩa giành chính quyền nhà nước. Nhưng nếu

Đảng ta trước đó không xây dựng lực lượng vũ trang và thành lập các khu căn cứ rộng lớn để làm chỗ dựa cho lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh chính trị; và khi điều kiện đã chín muồi không mau lẹ phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang thì cách mạng không thể mau chóng giành được thắng lợi" (11). Hay nói cách khác, nhờ có một quá trình chuẩn bị, tạo thế, tạo lực cho cách mạng, khi thời cơ lớn xuất hiện, Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh đã kịp thời nắm bắt phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là yếu tố quyết định đưa đến thành công cho Cách mạng tháng Tám 1945 chứ không phải là một sự "ăn may" nhờ chủ yếu vào yếu tố khách quan. *Mau lẹ. Kịp thời. Nổ ra đúng lúc phải nổ* là đặc điểm nổi bật nhất của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

### CHÚ THÍCH

(1). Trường Chinh tuyển tập. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.172.

(2). Stein Tonnesson: *Cách mạng Việt Nam năm 1945 - Rudoven, Hồ Chí Minh và Đờ Gôn trong một thế giới chiến tranh*. Nxb. Publication, London-New Delhi, 1991, tr.425.

(3). Stein Tonneson, *Cách mạng Việt Nam năm 1945 - Rudoven, Hồ Chí Minh và Đờ Gôn trong một thế giới chiến tranh*, sdd.

(4), (6). *Văn kiện quân sự của Đảng (1930 - 1945)*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1969, tr.228, 250.

(5). *Văn kiện Đảng (1939 - 1945)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.482.

(7). Trường Chinh: *Ngọn cờ giải phóng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.104.

(8). *Văn kiện Đảng (1940 - 1945)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.373.

(9). *Văn kiện quân sự của Đảng*, sdd, tr.283.

(10). Trần Quang Huy: *19/8 - Cách mạng tháng Tám là sáng tạo*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1995, tr.27.

(11). *Văn kiện quân sự của Đảng*, sdd, tr. 146.